

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly
hôn giữa anh Vũ Đức D và chị Phạm
Thị Thu Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Xuyên;
2. Bà Nguyễn Thị Nhieu.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Hưng Yên tham gia phiên toà:** Bà Doãn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXX - ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 21/2025/QĐ-HPT ngày 26 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Đức D**, sinh năm 1992;

HKTT tại: Thôn T, xã V, tỉnh H (trước đây là: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình).

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Thu Th**, sinh năm 1994;

HKTT tại: Thôn T, xã V, tỉnh H (trước đây là: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình);

Chỗ ở hiện nay: Xóm x, thôn B, xã T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là: Xóm 11, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình)

(Anh D có đơn xin xử vắng mặt, chị Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 4 năm 2025, bản tự khai đề ngày 21 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình nay là (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 19 tháng 6 năm 2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không còn tình cảm với nhau và bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Anh D và chị Th đã sống ly thân từ khoảng năm 2023 cho đến thời điểm hiện nay, tháng 6 năm 2025. Anh vẫn sống tại gia đình bố mẹ đẻ anh còn chị Th đã về xã B (xã T, tỉnh Hưng Yên hiện nay). Anh xác định không còn tình cảm với chị Th nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là: Vũ Hà Yên Nh, sinh ngày 18 tháng 1 năm 2015. Hiện tại con của anh chị đang sống cùng với chị Th, do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà mẹ đẻ của chị tại xã Tân Thuận, tỉnh Hưng Yên. Ly hôn, anh và chị Th đã thống nhất và có văn bản thỏa thuận với nhau (văn bản có xác nhận của cơ sở thôn và đại diện UBND xã B): giao con chung là cháu Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh D cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng cho đến khi con chung 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần gửi giấy báo chị Th đến Toà án để trình bày quan điểm đối với đơn xin ly hôn, giải quyết nuôi dưỡng con chung của anh Vũ Đức D nhưng chị Th không trực tiếp đến Toà án để trình bày quan điểm. Tuy nhiên, tại Văn bản thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi đề ngày 21 tháng 6 năm 2025, chị Phạm Thị Thu Th và anh Vũ Đức D thống nhất: Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Hà Yên Nh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015. Hiện tại con Nh đang sống cùng với chị Th, do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà mẹ đẻ của chị là bà Phạm Thị H địa chỉ: xóm x, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên). Ly hôn, giao con chung là cháu Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con là 02 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Th hiện đi làm tại công ty trên địa bàn tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên), do tính chất công việc bận rộn nên chị không thể xin nghỉ để trực tiếp đến Toà án trình bày quan điểm của chị về yêu cầu xin ly hôn của anh D. Chị có công việc và được trả lương hàng tháng, có chỗ ở hợp pháp tại nhà mẹ đẻ của chị (bà Hoà). Chị có sự hỗ trợ của mẹ đẻ giúp chị trông nom, chăm sóc con của anh chị chu đáo. Anh chị cũng thỏa thuận anh D nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại UBND xã B, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) thể hiện:

Hiện tại, chị Th đã đưa con chung về ở nhà mẹ đẻ chị có địa chỉ tại xóm x, thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) sinh sống. Mẹ đẻ của chị là bà Phạm Thị H, sinh năm 1960, còn bố đẻ chị ông Phạm Văn Hạnh đã chết. Chị Th là công nhân, sáng đi tối về nên không thể có mặt theo giấy báo của Tòa án đến trụ sở UBND xã T để làm việc. Mẹ đẻ của chị cũng có việc riêng trên thành phố Hà Nội nên chưa kịp có mặt tại địa phương theo giấy báo của Tòa án và thông báo của cơ sở thôn B. Tại buổi xác minh, đại diện UBND xã T và cơ sở thôn đã trực tiếp gọi điện cho bà Hoà, bà Hoà có quan điểm như sau: Anh D và chị Th là vợ chồng, xong có Nhều mâu thuẫn. Anh chị đã tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh D và chị Th. Hiện tại chị Th không có thai. Bà biết anh chị đã tự thoả thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vũ Hà Yến Nh, sinh năm 2015. Cụ thể, chị Th có trách Nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nh, anh D có trách Nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị Th số tiền 02 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu Nh 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung của anh chị, anh chị đã tự thoả thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và chị Th đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung theo nguyện vọng của anh D, chị Th. Việc Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy báo chị Th đến Tòa án để trình bày quan điểm, chị Th đã biết, đã nhận văn bản và đã trao đổi với anh D nhưng không xin nghỉ việc đến Tòa án được. Bà và chị Th đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt chị Th.

Đại diện UBND xã và cơ sở thôn xác nhận: Bản thân chị Th và gia đình mẹ đẻ luôn chấp hành tốt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, không vi phạm pháp luật. Gia đình mẹ đẻ chị Th có nhà cửa, đất đai rộng rãi, đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh phát triển toàn diện.

*** *Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho anh Vũ Đức D được ly hôn chị Phạm Thị Thu Th.

Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Vũ Hà Yến Nh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh D và chị Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Vũ Đức D khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Phạm Thị Thu Th có đăng ký thường trú tại thôn T, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Hưng Yên.

[1.2] Anh Vũ Đức D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị Thu Th được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức D và chị Phạm Thị Thu Th đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình nay là (nay là xã V, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 19 tháng 6 năm 2014 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm và lối sống dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau, sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2023 đến thời điểm hiện nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, chị Th đã được báo gọi nhiều lần nhưng không đến Tòa. Trong văn bản thỏa thuận về người nuôi con, anh chị đều thể hiện đồng ý việc giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và anh D cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nh 02 triệu đồng/tháng. Điều đó chứng tỏ anh chị không còn mong muốn đoàn tụ, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh D và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Vũ Đức D được ly hôn chị Phạm Thị Thu Th.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị Th có 01 con chung là: Vũ Hà Yến Nh, sinh ngày 18 tháng 1 năm 2015. Hiện tại con của anh chị đang sống cùng với chị Th, do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tại nhà mẹ đẻ của chị. Ly hôn, anh D và chị Th thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện nuôi con của chị Th: Chị Th hiện đang làm công nhân tại tỉnh Hưng Yên nên có thu

nhập; Chị và con gái đang sinh sống tại xã T cùng nhà mẹ đẻ chị, có sự hỗ trợ của mẹ đẻ chị chăm sóc con. Cháu Nh có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy chị Th có đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng cháu Nh, các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, việc thỏa thuận là phù hợp, đảm bảo lợi ích của con nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản: Anh Vũ Đức D không yêu cầu giải quyết; Chị Phạm Thị Thu Th không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Anh D, chị Th có quyền khởi kiện về quan hệ tài sản khi cần thiết.

[2.4] Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Đức D được ly hôn chị Phạm Thị Thu Th.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Vũ Hà Yến Nh, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2015. Anh Vũ Đức D cấp dưỡng nuôi con Vũ Hà Yến Nh 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi con Vũ Hà Yến Nh đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần.

Anh Vũ Đức D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Phạm Thị Thu Th và anh Vũ Đức D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Anh D, chị Th có quyền khởi kiện về quan hệ tài sản khi cần thiết.

4. Về án phí: Anh Vũ Đức D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001918 ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 5 - Hưng Yên) thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D phải nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Đức D và chị Phạm Thị Thu Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Hưng Yên;*
- *Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên (trước đây là UBND xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình);*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

